

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU  
ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008  
đã được kiểm toán

## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999. Đăng ký thay đổi lần 11 ngày 28 tháng 04 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Kinh doanh đại lý mua bán các sản phẩm dầu khí;
- Xây dựng, lắp đặt sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình thủy, kho xăng dầu; kinh doanh xăng dầu cho các tàu biển, tàu sông;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lai dắt tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu;
- Sửa chữa thiết bị, phương tiện đánh bắt thủy sản; đại lý mua bán sản phẩm xăng dầu cho tàu, thuyền nước ngoài. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh); san lấp mặt bằng; dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không xử lý tại thành phố Hồ Chí Minh); ứng cứu tàu tràn.
- Mua bán gas hóa lỏng; mua bán nguyên liệu chế phẩm dầu nhờn; mua bán kim loại màu, sắt thép, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư – thiết bị phục vụ ngành công – nông nghiệp (không hoạt động xuất nhập khẩu thiết bị ngành in, không mua bán thuốc bảo vệ thực vật), sản phẩm nông-lâm-thủy hải sản, phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán dụng cụ, quần áo bảo hộ lao động (trừ tẩy nhuộm), thiết bị phòng cháy chữa cháy; mua bán: than, gỗ, sản phẩm bằng gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ mây tre lá nứa, rượu (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).

Trụ sở chính của Công ty tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh – Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Ngành hoạt động</b>	<b>Vốn điều lệ (Triệu đồng)</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Kinh doanh, vận tải xăng dầu...	20.000	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2008 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bùi Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Ủy viên
Ông Phan Văn Kỳ	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Long	Ủy viên
Ông Trần Quang Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2008 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Văn Kỳ	Giám đốc
Ông Đỗ Văn Long	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Tuấn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm 2008 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên
Ông Phạm Văn Sinh	Thành viên

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Giám đốc**

---

**Phan Văn Kỳ**  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 12 tháng 02 năm 2009

Số : .../BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
*Về Báo cáo tài chính năm 2008*  
*của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex*

**Kính gửi:**           **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được lập ngày 12/02/2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

---

**Nguyễn Thị Lan**  
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

---

**Cao Thị Hồng Nga**  
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>44.273.662.928</b>	<b>39.736.964.681</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>29.752.697.719</b>	<b>3.506.443.542</b>
1. Tiền	111		752.697.719	3.506.443.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>10.170.086.247</b>	<b>18.238.278.499</b>
1. Phải thu khách hàng	131		9.520.489.610	9.901.680.924
2. Trả trước cho người bán	132		8.000.000	7.429.601.948
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	823.327.545	974.350.385
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(181.730.908)	(67.354.758)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.3	<b>2.108.021.508</b>	<b>17.118.438.761</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.108.021.508	17.118.438.761
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>2.242.857.454</b>	<b>873.803.879</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.071.146.595	685.450.066
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	761.931.059	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		409.779.800	188.353.813
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>55.644.492.685</b>	<b>36.455.175.348</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>32.708.856.824</b>	<b>26.127.373.348</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	32.708.856.824	26.006.461.690
- Nguyên giá	222		48.162.374.118	38.981.989.247
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.453.517.294)	(12.975.527.557)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	-	120.911.658
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.7	<b>22.935.635.861</b>	<b>10.327.802.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		30.000.000.000	10.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		327.802.000	327.802.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(7.392.166.139)	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	260		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>99.918.155.613</b>	<b>76.192.140.029</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>10.702.725.491</b>	<b>22.757.615.493</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>10.542.889.436</b>	<b>22.587.066.923</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		3.421.314.095	7.786.043.959
3. Người mua trả tiền trước	313		-	6.640.184.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	42.864.622	659.215.469
5. Phải trả người lao động	315		5.899.108.514	5.679.515.557
6. Chi phí phải trả	316	V.9	198.089.812	56.636.811
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	981.512.393	1.765.471.127
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>159.836.055</b>	<b>170.548.570</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		159.836.055	170.548.570
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>89.215.430.122</b>	<b>53.434.524.536</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.11	<b>89.100.905.696</b>	<b>53.430.078.443</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		518.666.555	518.666.555
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.549.930.205	6.849.943.168
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.533.309.290	1.049.070.793
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.498.999.646	10.012.397.927
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	430		<b>114.524.426</b>	<b>4.446.093</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		114.524.426	4.446.093
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>99.918.155.613</b>	<b>76.192.140.029</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		53.350.000	53.350.000
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Hiền**

\_\_\_\_\_  
**Đặng Thị Xuân Hương**

\_\_\_\_\_  
**Phan Văn Kỳ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2008**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>158.149.473.678</b>	<b>193.673.560.336</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.3	<b>158.149.473.678</b>	<b>193.673.560.336</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.4	<b>137.443.204.297</b>	<b>170.956.576.039</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>20.706.269.381</b>	<b>22.716.984.297</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.583.218.900	998.474.911
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	7.651.421.646	794.427.155
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>179.274.501</i>	<i>614.737.227</i>
8. Chi phí bán hàng	24		873.945.104	1.572.064.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.643.367.585	9.372.886.614
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>8.120.753.946</b>	<b>11.976.080.604</b>
11. Thu nhập khác	31		1.015.621.191	1.235.647.250
12. Chi phí khác	32		1.344.676.976	1.233.639.798
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(329.055.785)</b>	<b>2.007.452</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.791.698.161</b>	<b>11.978.088.056</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	892.698.515	1.622.746.646
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.898.999.646</b>	<b>10.355.341.410</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2008**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>7.791.698.161</b>	<b>11.978.088.056</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.336.859.095	4.197.386.752
- Các khoản dự phòng	03		7.506.542.289	(29.195.242)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.222.517.449)	(725.361.627)
- Chi phí lãi vay	06		179.274.501	614.737.227
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>15.591.856.597</b>	<b>16.035.655.166</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.584.762.527	(8.183.438.225)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.010.417.253	(6.634.988.287)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.559.325.002)	8.381.100.633
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	14.354.546
- Tiền lãi vay đã trả	13		(179.274.501)	(614.737.227)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.057.209.706)	(2.538.839.785)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		461.470.906	68.369.933
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.331.260.615)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>19.521.437.459</b>	<b>6.527.476.754</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.493.577.783)	(6.900.550.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		500.000	312.452.701
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.071.511.348)	(139.742.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.222.517.449	432.247.819
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(23.342.071.682)</b>	<b>(6.295.592.220)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		35.000.000.000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		24.137.012.657	55.265.136.915
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24.196.851.657)	(59.115.912.825)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.873.272.600)	(4.821.297.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>30.066.888.400</b>	<b>(8.672.072.910)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		26.246.254.177	(8.440.188.376)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.506.443.542	11.946.631.918
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		29.752.697.719	3.506.443.542

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2009

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2008

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999. Đăng ký thay đổi lần 11 ngày 28 tháng 04 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh – Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Kinh doanh, vận tải xăng dầu...	20.000	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Kinh doanh đại lý mua bán các sản phẩm dầu khí;
- Xây dựng, lắp đặt sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình thủy, kho xăng dầu; kinh doanh xăng dầu cho các tàu biển, tàu sông;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lai dắt tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu;
- Sửa chữa thiết bị, phương tiện đánh bắt thủy sản; đại lý mua bán sản phẩm xăng dầu cho tàu, thuyền nước ngoài. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh); san lấp mặt bằng; dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không xử lý tại thành phố Hồ Chí Minh); ứng cứu tàu tràn.
- Mua bán gas hóa lỏng; mua bán nguyên liệu chế phẩm dầu nhờn; mua bán kim loại màu, sắt thép, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư – thiết bị phục vụ ngành công – nông nghiệp (không hoạt động xuất nhập khẩu thiết bị ngành in, không mua bán thuốc bảo vệ thực vật), sản phẩm nông-lâm-thủy hải sản, phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở);

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Sản xuất, mua bán dụng cụ, quần áo bảo hộ lao động (trừ tẩy nhuộm), thiết bị phòng cháy chữa cháy; mua bán: than, gỗ, sản phẩm bằng gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ mây tre lá nứa, rượu (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	7 năm
- Phương tiện vận tải	7 năm
- Thiết bị văn phòng	3 năm

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

### **5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;



### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Tiền mặt	273.686.640	269.678.837
Tiền gửi ngân hàng	479.011.079	3.236.764.705
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	29.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>29.752.697.719</b>	<b>3.506.443.542</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Phải thu khác	823.327.545	974.350.385
<b>Cộng</b>	<b>823.327.545</b>	<b>974.350.385</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.108.021.508	4.662.680.195
Công cụ, dụng cụ	-	2.409.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	7.215.358.804
Hàng hoá	-	5.237.990.762
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>2.108.021.508</b>	<b>17.118.438.761</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>2.108.021.508</b>	<b>17.118.438.761</b>

**4. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	761.931.059	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
<b>Cộng</b>	<b>761.931.059</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: đồng*

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	938.609.518	1.243.661.618	33.518.210.420	594.773.691	2.686.734.000	38.981.989.247
Số tăng trong năm	-	-	14.614.489.441	-	-	14.614.489.441
- <i>Mua trong năm</i>			<i>14.614.489.441</i>			<i>14.614.489.441</i>
- <i>Đầu tư XD/CB hoàn thành</i>						-
Số giảm trong năm	917.454.818	1.243.661.618	409.162.000	177.092.134	2.686.734.000	5.434.104.570
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>				<i>17.335.090</i>		<i>17.335.090</i>
- <i>Góp vốn vào công ty con</i>	<i>917.454.818</i>	<i>1.243.661.618</i>	<i>409.162.000</i>	<i>159.757.044</i>	<i>2.686.734.000</i>	<i>5.416.769.480</i>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.154.700</b>	<b>-</b>	<b>47.723.537.861</b>	<b>417.681.557</b>	<b>-</b>	<b>48.162.374.118</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	362.552.908	509.301.890	11.025.000.046	434.821.111	643.851.602	12.975.527.557
Số tăng trong năm	3.022.104	-	4.283.137.721	50.699.270	-	4.336.859.095
Số giảm trong năm	348.197.914	509.301.890	221.629.421	135.888.531	643.851.602	1.858.869.358
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>				<i>17.335.090</i>		<i>17.335.090</i>
- <i>Góp vốn vào công ty con</i>	<i>348.197.914</i>	<i>509.301.890</i>	<i>221.629.421</i>	<i>118.553.441</i>	<i>643.851.602</i>	<i>1.841.534.268</i>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.377.098</b>	<b>-</b>	<b>15.086.508.346</b>	<b>349.631.850</b>	<b>-</b>	<b>15.453.517.294</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	576.056.610	734.359.728	22.493.210.374	159.952.580	2.042.882.398	26.006.461.690
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.777.602</b>	<b>-</b>	<b>32.637.029.515</b>	<b>68.049.707</b>	<b>-</b>	<b>32.708.856.824</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Chi phí xây dựng dở dang khác		120.911.658
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>120.911.658</b>

**7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (*)	30.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	327.802.000	327.802.000
- Công ty Cp Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp – 30.560 cổ phần	327.802.000	327.802.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (**)	(7.392.166.139)	-
<b>Cộng</b>	<b>22.935.635.861</b>	<b>10.327.802.000</b>

(\*) Các khoản đầu tư vào công ty con bao gồm:

Tên công ty	<b>31/12/2008</b>		<b>31/12/2007</b>	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	100%	20.000.000.000	100%	10.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	100%	10.000.000.000	-	-

(\*\*) Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex

**8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	495.565.000
Thuế thu nhập cá nhân	42.864.622	163.650.469
<b>Cộng</b>	<b>42.864.622</b>	<b>659.215.469</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	198.089.812	56.636.811
<b>Cộng</b>	<b>198.089.812</b>	<b>56.636.811</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	187.674.220	623.703.733
Bảo hiểm xã hội	93.499.328	41.091.435
Cổ tức phải trả	205.050.003	178.322.603
Các khoản phải trả, phải nộp khác	495.288.842	922.353.356
<b>Cộng</b>	<b>981.512.393</b>	<b>1.765.471.127</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của CSH</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>518.666.555</b>	<b>6.249.943.168</b>	<b>701.087.823</b>	<b>6.326.144.377</b>
Tăng vốn trong năm trước	-		600.000.000	347.982.970	-
Lãi trong năm trước					10.355.341.410
Chia cổ tức năm 2006					(4.900.000.000)
Trích các quỹ			-	-	(1.440.587.860)
Giảm khác					(328.500.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>518.666.555</b>	<b>6.849.943.168</b>	<b>1.049.070.793</b>	<b>10.012.397.927</b>
Tăng vốn trong năm nay	35.000.000.000		4.699.987.037	484.238.497	
Lãi trong năm nay					6.898.999.646
Chia cổ tức năm 2007					(4.900.000.000)
Trích các quỹ năm 2007					(6.312.397.927)
Giảm khác					(200.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>518.666.555</b>	<b>11.549.930.205</b>	<b>1.533.309.290</b>	<b>5.498.999.646</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2008</b>	%	<b>01/01/2008</b>	%
	VND		VND	
Vốn góp của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	35.849.260.000	51,21	17.924.630.000	51,21
Vốn góp của các đối tượng khác	34.150.740.000	48,79	17.075.370.000	48,79
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	35.000.000.000	
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	70.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(4.900.000.000)	(4.900.000.000)

**d) Cổ phiếu**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>158.149.473.678</b>	<b>193.673.560.336</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	46.071.420.643	75.867.426.012
Doanh thu cung cấp dịch vụ	112.078.053.035	117.806.134.324
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>158.149.473.678</b>	<b>193.673.560.336</b>
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	46.071.420.643	75.867.426.012
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	112.078.053.035	117.806.134.324
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	43.232.707.556	73.338.593.600
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	94.210.496.741	97.617.982.439
<b>Cộng</b>	<b>137.443.204.297</b>	<b>170.956.576.039</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.807.237.249	317.971.044
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.415.280.200	407.390.583
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	360.701.451	72.341.284
<b>Cộng</b>	<b>4.583.218.900</b>	<b>998.474.911</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	179.274.501	602.047.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	79.910.826	41.057.040
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	7.392.166.139	
Chi phí tài chính khác	70.180	151.322.888
<b>Cộng</b>	<b>7.651.421.646</b>	<b>794.427.155</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 28% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2008 công ty được giảm 50% thuế TNDN.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.791.698.161	11.978.088.056
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.415.280.200)	(387.040.585)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	20.349.998
+ <i>Chi phí không được khấu trừ</i>	-	20.349.998
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.415.280.200	407.390.583
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	1.415.280.200	407.390.583
Tổng lợi nhuận tính thuế	6.376.417.961	11.591.047.471
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.785.397.029	3.245.493.292
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	892.698.515	1.622.746.646
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<b>892.698.515</b>	<b>1.622.746.646</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.820.147.194	55.476.634.780
Chi phí nhân công	21.513.090.297	24.322.350.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.336.859.095	4.197.386.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.599.977.378	26.005.762.256
Chi phí khác bằng tiền	4.457.735.466	4.402.972.060
<b>Cộng</b>	<b>103.727.809.430</b>	<b>114.405.106.585</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam	Công ty mẹ	Góp vốn	17.924.630.000
		Dịch vụ vận tải	62.474.809.460
Công ty TNHH Một thành viên Đón tàu và Thương mại Petrolimex	Công ty con	Góp vốn	10.000.000.000
		Sửa chữa tàu	6.138.588.574
		Mua vật tư, hàng hóa	664.990.598
		Cấp hỗ trợ quỹ lương	200.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Công ty con	Bán vật tư, dụng cụ	5.342.777.247
		Góp vốn	10.000.000.000
		Mua nhiên liệu	636.827.273
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Công ty con	Dịch vụ vận tải	12.546.897
		Chuyển trả lợi nhuận	1.400.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)</b>
Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam	Công ty mẹ	Dịch vụ vận tải	3.089.779.350
Công ty TNHH Một thành viên Đón tàu và Thương mại Petrolimex	Công ty con	Sửa chữa tàu	313.189.117
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Công ty con	Mua nhiên liệu	(75.643.912)

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán.

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Hiền**

\_\_\_\_\_  
**Đặng Thị Xuân Hương**

\_\_\_\_\_  
**Phan Văn Kỳ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2009